

Bản án số: 95/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 02-7-2020

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Lan Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hồ Lệ Hoa

2. Ông Dương Tuấn Anh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Võ Hồng Quân - Kiểm sát viên (vắng mặt)

Ngày 02 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2020/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 108/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Phan Út D, sinh năm 1998 (có mặt)

*Địa chỉ:* Ấp A, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

*Bị đơn:* Ông Trần Lương E, sinh năm 1989 (vắng mặt)

*Địa chỉ:* Ấp A, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*Trình bày của bà Phan Út D:*

Hôn nhân: Bà Phan Út D và ông Trần Lương E tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 06/9/2016. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, hôn nhân không thể kéo dài, bà D và ông E đã ly thân cách nay 10 tháng, xét thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau nên bà D yêu cầu được ly hôn với ông E.

Con chung: Bà D và ông E có 01 người con chung tên Trần Ngọc D, sinh ngày 13/01/2016 (giới tính nữ) hiện do ông E đang nuôi dạy. Khi ly hôn, bà D tự nguyện giao cháu Diệu cho ông E nuôi dạy, bà không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung không có nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Thực hiện đúng các quy định của tố tụng dân sự; về nội dung vụ án thì xét thấy mâu thuẫn giữa bà D và ông E đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận cho bà D được ly hôn với ông E, về con chung cháu Trần Ngọc D, sinh ngày 13/01/2016 (giới tính nữ) hiện do ông E đang nuôi dạy chung, bà D tự nguyện giao cho ông E tiếp tục nuôi con, bà không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con là phù hợp nên đề nghị chấp nhận, tài sản chung, nợ chung không có nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Phan Út D khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn là ông Trần Lương E. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; ông E có nơi cư trú tại Ấp A, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng ông E vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông E theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình theo quy định tại Điều 232 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[4] Về hôn nhân: Bà D và ông E tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 06/9/2016. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã với nhau, hôn nhân không thể kéo dài, ông bà đã ly thân với nhau cách nay 10 tháng, bà D xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau nên bà D yêu cầu được ly hôn với ông E. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông E đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống bà D cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân giữa bà D và ông E không đạt được. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để bà D và ông E có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do ông E vắng mặt tại các lần hòa giải, xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà D và ông E được ly hôn là phù hợp.

[5] Về con chung: Bà D và ông E có 01 người con chung tên Trần Ngọc D, sinh ngày 13/01/2016 (giới tính nữ) hiện do ông E đang nuôi dạy. Khi ly hôn, bà D tự nguyện giao cháu Diệu cho ông E nuôi dạy, bà không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu Diệu từ trước đến nay sống ổn định với ông E, quá trình thụ lý giải quyết vụ án ông E không có ý kiến về việc nuôi dạy con chung, cần duy trì sự ổn định của cháu Diệu nên chấp nhận theo ý kiến của bà D là tự nguyện giao con chung là ông E tiếp tục nuôi dạy, bà D không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Bà D không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm con theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

[6] Về tài sản chung: Bà D xác định vợ chồng không có tài sản chung, quá trình thụ lý giải quyết vụ án ông E không có ý kiến gì đối với tài sản chung vợ chồng, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Bà D xác định vợ chồng không có nợ người ngoài và người ngoài cũng không nợ vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết. Tại xác nhận về việc

không nợ của chính quyền địa phương và biên bản ghi lời khai người làm chứng ngày 19/5/2020 xác định bà D và ông E không có nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xét về nợ chung.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà D phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xét xử vắng mặt ông Trần Lương E.

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Phan Út D về việc ly hôn đối với ông Trần Lương E.

2.1. Về hôn nhân: Bà Phan Út D và ông Trần Lương E được ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao cháu cho Trần Ngọc Diệu, sinh ngày 13/01/2016 (giới tính nữ) cho ông E tiếp tục nuôi dạy. Bà D không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Bà D không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

2.3. Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

3. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà D phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 17 tháng 3 năm 2020 bà D có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0011082 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông E vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Thới Bình;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Lan Anh**